

Về điều tra, nghiên cứu
NHIỆM BẢN MÔI TRƯỜNG NƯỚC VÀ KHÔNG KHÍ

Phan Tâm
Cục KĐTĐCB

RONG Nghị định 215/CP ngày 5 tháng XI năm 1976 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Tổng cục KTTV có ghi một trong những nhiệm vụ của Tổng cục là phục vụ công tác bảo vệ môi trường. Cuối năm 1977 Tổng cục đã giao công tác "điều tra nhiệm bản môi trường nước và không khí" cho Cục KĐTĐCB.

Trong qui định 257/ĐTCB của Cục KĐTĐCB có ghi nhiệm vụ chủ yếu của công tác này là :

- Tổ chức và hướng dẫn các đài, trạm, đội khảo sát tiến hành điều tra khảo sát nhiệm bản môi trường nước và không khí theo mạng lưới trạm đã được duyệt.
- Phân tích hóa không khí, bụi, khí dung (sol khí) chất lơ lửng, di đầy và hòa tan trong nước mưa, nước sông và nước biển.
- Tổ chức và hướng dẫn các phòng thí nghiệm khu vực về chuyên môn nghiệp vụ.
- Điều tra tổng hợp, ra thông báo tình hình nhiệm bản trong nước và không khí.
- Biên soạn các qui trình qui phạm, chế độ nghiệp vụ về công tác này.
- Nghiên cứu qui luật về nhiệm bản và tính toán dự báo nhiệm bản môi trường nước và không khí.

Ngày 20/IV/1979 Tổng cục cũng đã có quyết định 230/KTTV qui định nhiệm vụ điều tra nhiệm bản môi trường nước và không khí cho các đài KTTV tỉnh, thành và dự thảo lưới trạm kèm theo.

I. Qui hoạch lưới trạm và chỉ đạo thực hiện :

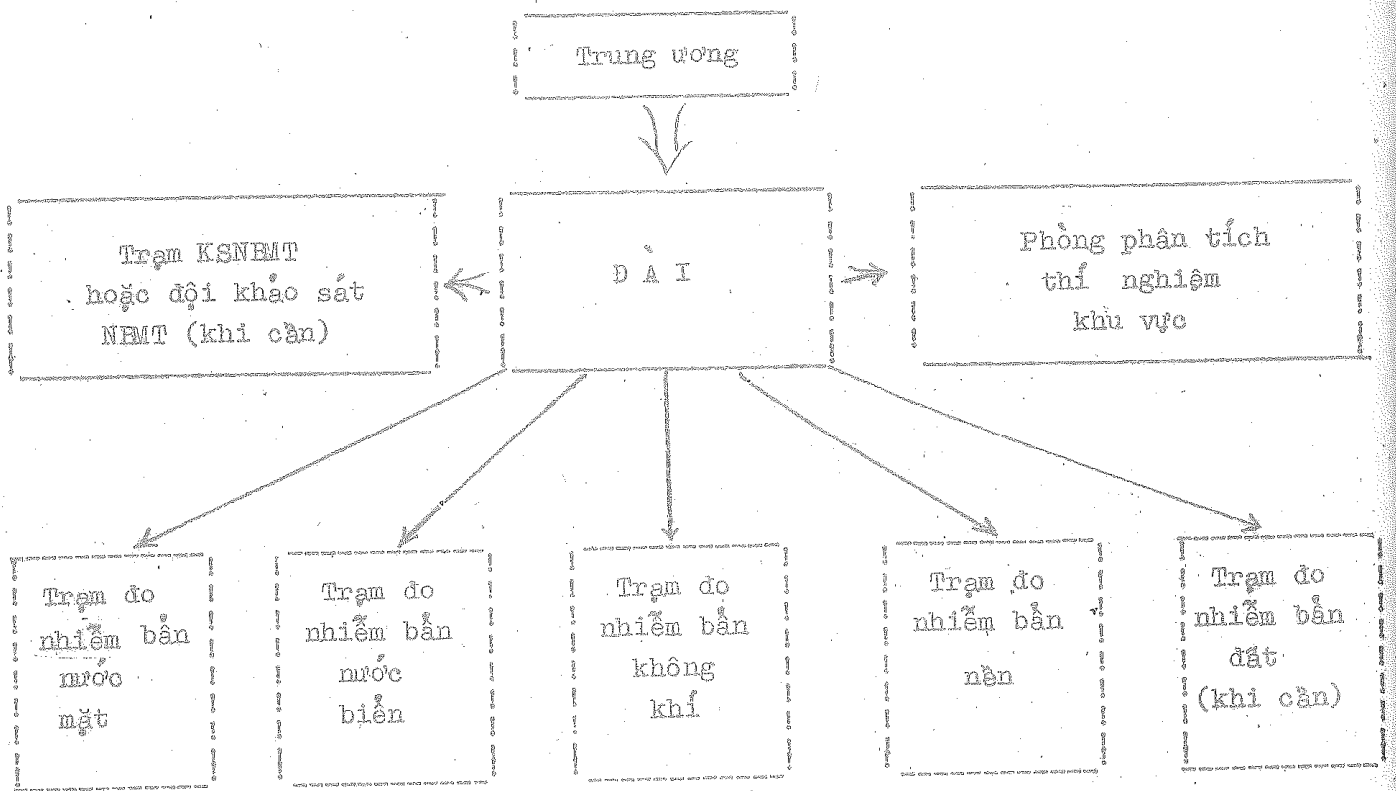
Đầu năm 1978 đã có dự thảo qui hoạch lưới trạm và chỉ đạo thực hiện theo sơ đồ : (xem sơ đồ ở trang sau).

Căn cứ vào tình hình môi trường, yêu cầu của nghiên cứu và phục vụ, kết hợp với lưới trạm KTTV hiện có bước đầu đã hình thành và triển khai mạng lưới điều tra sau đây :

1/ Phòng phân tích thí nghiệm khu vực :

Có nhiệm vụ phân tích thí nghiệm nhiệm bản môi trường cho đặc trưng khu vực khác nhau.

- Phòng phân tích thí nghiệm nhiệm bản môi trường nước và không khí khu vực Hà nội hình thành trước năm 1977 và đang tiếp tục nghiên cứu, phân tích, thí



nghiệm hóa, lý sinh nhiễm bẩn môi trường nước và không khí. Trong những năm qua đã tiến hành hàng trăm thí nghiệm, hàng nghìn mẫu phân tích khác nhau.

Phòng thí nghiệm Đại KTTV thành phố Hồ Chí Minh hình thành vào năm 1978 đã thực hiện hàng loạt phân tích nước mặt và nước nhiễm bẩn có kết quả tốt, việc chuẩn bị cho phân tích nhiễm bẩn không khí cũng tiến hành. Đại Quảng nam - Đà Nẵng bắt đầu phân tích định lượng cát bùn từ năm 1980.

2/ Trạm kiểm soát nhiễm bẩn môi trường nước và không khí thành phố Hà Nội đã bắt đầu đo 2 năm nay. Trạm thành phố Hồ Chí Minh mới được thành lập và đã tiến hành đo nhiễm bẩn nước.

3/ Lưới trạm, điểm cố định đo nhiễm bẩn nước mặt :
Có hai loại :

a) Trạm đo cố định : Loại trạm này kết hợp trong lưới trạm thủy văn sẵn có. Phân bố chủ yếu ở các mặt cắt không chế của các sông chính, có chú ý đến các vùng đông dân, các khu công, nông nghiệp lớn. Hiện nay đã có trên 50 trạm đo theo 2 chế độ : đo đầy đủ và đo rút gọn. Đo đầy đủ 1 tháng 1 lần, đo rút gọn một năm 2 - 4 lần có chú ý đến các pha thủy văn khác nhau, có kết hợp đo lưu lượng và mực nước.

b) Điểm đo cố định : chủ yếu phân bố ở các thành phố và khu công nghiệp lớn có nhiều nước thải bẩn. Các điểm thường bố trí ở trên, dưới và chính các nguồn thải bẩn.

Ngoài ra cũng đã có 70 trạm, điểm đo độ mặn và 34 điểm đo độ pH (1980).

4/ Lưới trạm đo nhiễm bản không khí,

Hiện đã có 7 điểm ở phía bắc kết hợp với trạm khí tượng đã có để lấy mẫu hóa học nước mưa và bụi lắng tháng gửi về phòng thí nghiệm khu vực để phân tích.

5/ Trạm nhiễm bản nền vùng khí quyển : vừa qua chuyên gia khí tượng thế giới đã kết hợp với ta đi khảo sát và quyết định chọn vị trí trạm nhiễm bản nền vùng khí quyển tại Cục phương và đang lập dự án để chuẩn bị xây dựng vào những năm tới.

II. Điều tra, khảo sát :

Ngoài việc đo đạc trên lưới trạm cơ định ra, còn cần tiến hành điều tra khảo sát theo chuyên đề tại các vùng nhiễm bản quan trọng.

Điều tra khảo sát được tiến hành theo 3 cách :

- + Tiến hành khảo sát tại thực địa theo 2 phương pháp: - Thống kê đối chiếu và mô hình toán.
- + Điều tra theo phiếu : Đại diện tiến hành điều tra ghi điền vào phiếu và trên bản đồ gửi về Cục KTĐTCB . Đã có 7 đại làm tốt công tác này.
- + Thu thập số liệu ở các cơ quan ban và trên báo chí. Trong những năm qua đã kết hợp với các đại và một số cơ quan ban tiến hành điều tra khảo sát thu thập những số liệu có giá trị về nhiễm bản môi trường tại các vùng khác nhau trong cả nước.

III . Nghiên cứu và phục vụ :

Trong thời gian qua, chúng ta đã bắt đầu nghiên cứu một số vấn đề phục vụ cho sản xuất và chuyên môn như sau :

- Đặc điểm hóa học nước mặt Việt nam.
- Mô hình hóa lan truyền nhiễm bản khí quyển.
- Mô hình hóa lan truyền nhiễm bản nước.
- Chất lượng nước sông đồng bằng sông Cửu long.

Để hướng dẫn đo đạc, phân tích thí nghiệm trong lĩnh vực này chúng ta đã nghiên cứu soạn thảo các qui trình qui phạm.

Số liệu thu thập được đã được thông báo, cung cấp và hợp đồng phục vụ số liệu cho các cơ quan nghiên cứu.

IV . Nhận xét và kiến nghị :

Công tác điều tra, nghiên cứu nhiễm bản môi trường nước và không khí tuy mới hình thành, còn nhiều khó khăn về cán bộ, vật tư kỹ thuật, nhưng bước đầu cũng đã phát hiện được có nơi, từng lúc nước và không khí đã bị nhiễm bản quá giới hạn cho phép như ở Thái nguyên, Việt tri, Hà nội, Hải phòng, Ninh bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Yêu cầu phát triển công tác này rõ ràng ngày càng trở nên cấp thiết. Trước mắt chúng ta cần phải :

(xem tiếp trang 16)